TÒA ÁN NHÂN DÂN TP.RẠCH GIÁ
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 49/2017/DS-ST.
Ngày: 18-10-2017.
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Tất Ngọc Trân.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Chung Kim Sang;
2. Bà Lê Thị Mỹ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Tú – Thư ký của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá.

Trong ngày 18 tháng 10 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 91/2017/TLST-DS ngày 05 tháng 5 năm 2017 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 61/2017/QĐXX-ST ngày 05 tháng 9 năm 2017 giữa các đương sự:

**** Nguyên đơn*: Ngân hàng TMCP A**.

Trụ sở: Số 130 đường L, phường 3, quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Thanh T, Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Đại diện ủy quyền: Bà Lê Thị Mai T – Chức vụ: Giám đốc Phòng Giao dịch Nguyễn Trung T theo văn bản ủy quyền số 32/QĐ-KGG ngày 17/10/2017 (có mặt).

*** Bị đơn: 1. Ông Doãn Văn G, sinh năm: 1988**. (vắng mặt)
2. Bà Châu Thị Bích T, sinh năm: 1989 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Số 116 tổ 4, ấp H, xã T, thành phố G, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:** Ngày 30/12/2014, vợ chồng ông Doãn Văn G và bà Châu Thị Bích T có ký hợp đồng vay vốn số R1420/12 với số tiền vay là 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng), lãi suất 13%/năm, lãi quá hạn 19.5%/năm, ngày đến hạn 30/12/2017, mục đích sử dụng vốn vay để sửa nhà kho.

Tài sản bảo đảm tiền vay là quyền sử dụng đất tọa lạc tại ấp H, xã T, thành phố G, tỉnh Kiên Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M 892115, thửa đất số 33, tờ bản đồ số 03, diện tích 9.650 m^2 đất lúa do Ủy bản

nhân dân thị xã G, tỉnh Kiên Giang cấp ngày 31/8/1998. Tài sản đã được đăng ký thế chấp theo hợp đồng thế chấp số 2603/HĐTC ngày 30/12/2014 và đã Công chứng tại Văn phòng Công chứng G, số công chứng 7023, quyển số 07/TP/CC-SCC/HĐGD, đăng ký giao dịch đảm bảo số 11228 tại Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố G.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, vợ chồng G và bà T đã trả cho Ngân hàng tổng số tiền là 18.144.444đ (Mười tám triệu, một trăm bốn mươi bốn nghìn, bốn trăm bốn mươi bốn đồng); trong đó tiền gốc là 2.000.000đ (Hai triệu đồng), tiền lãi trong hạn là 16.144.444đ (Mười sáu triệu, một trăm bốn mươi bốn nghìn, bốn trăm bốn mươi bốn đồng).

Tạm tính đến ngày 18/10/2017, vợ chồng ông G và bà T còn nợ Ngân hàng tổng số tiền là 118.207.056đ (Một trăm mười tám triệu, hai trăm lẻ bảy nghìn, không trăm năm mươi sáu đồng). Trong đó, số tiền nợ gốc là 98.000.000đ (Chín mươi tám triệu đồng), số tiền nợ lãi trong hạn là 20.207.056đ (Hai mươi triệu, hai trăm lẻ bảy nghìn, không trăm năm mươi sáu đồng).

Nay Ngân hàng yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng ông G và bà T phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ tổng số tiền tạm tính đến ngày 18/10/2017 là 118.207.056 đồng và tiền lãi phát sinh thêm theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng kể từ ngày 19/10/2017 đến khi thanh toán hết nợ cho Ngân hàng. Trường hợp ông bà không trả được nợ thì yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ theo quy định.

*** Bị đơn – ông Doãn Văn G và bà Châu Thị Bích T:** Tòa án đã triệu tập ông G, bà T nhiều lần để hòa giải và công khai tài liệu chứng cứ vụ án, nhưng ông bà không đến nên Tòa án mở phiên Tòa xét xử theo quy định pháp luật.

*** Tại phiên tòa:**

- Đại diện n*guyên đơn*: Yêu cầu bị đơn - vợ chồng ông G, bà T phải trả tổng số tiền còn nợ tạm tính đến ngày 18/10/2017 là 118.207.056đ (Một trăm mười tám triệu, hai trăm lẻ bảy nghìn, không trăm năm mươi sáu đồng); trong đó, số tiền nợ gốc là 98.000.000đ (Chín mươi tám triệu đồng), số tiền nợ lãi trong hạn là 20.207.056đ (Hai mươi triệu, hai trăm lẻ bảy nghìn, không trăm năm mươi sáu đồng) và lãi phát sinh theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng kể từ ngày 19/10/2017 đến khi trả hết nợ. Mặc dù bị đơn vi phạm hợp đồng từ tháng 3/2017 nhưng Ngân hàng tự nguyện không tính lãi phạt mà vẫn tính theo lãi suất trong hạn để tạo điều kiện cho bị đơn trả nợ.

Trong trường hợp vợ chồng ông G và bà T không trả được nợ thì yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng

- Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 là thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

- Bị đơn – ông Doãn Văn G và bà Châu Thị Bích T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ xét xử nhưng vẫn vắng mặt. Tại phiên toà đại diện hợp pháp của nguyên đơn đồng ý xét xử vắng mặt ông G và bà T. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử thống nhất xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ kiện và lời trình bày của đại diện hợp pháp của nguyên đơn thể hiện vợ chồng ông Doãn Văn G và bà Châu Thị Bích T có ký hợp đồng tín dụng số R1420/12 ngày 30/12/2014, vay số tiền là 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng), lãi suất 13%/năm, lãi quá hạn 19.5%/năm, ngày đến hạn 30/12/2017, mục đích sử dụng vốn để sửa nhà kho.

Tài sản bảo đảm tiền vay là quyền sử dụng đất tọa lạc tại ấp H, xã T, thành phố G, tỉnh Kiên Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M 892115, thửa đất số 33, tờ bản đồ số 03, diện tích 9.650 m^2 đất lúa do Ủy bản nhân dân thị xã G, tỉnh Kiên Giang cấp ngày 31/8/1998, sang tên ông Doãn Văn G ngày 19/12/2014. Tài sản đã được đăng ký thế chấp theo hợp đồng thế chấp số 2603/HĐTC ngày 30/12/2014 và đã Công chứng tại Văn phòng Công chứng G, số công chứng 7023, quyển số 07/TP/CC-SCC/HĐGD, đăng ký giao dịch đảm bảo số 11228 tại Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố G.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, vợ chồng G và bà T đã trả cho Ngân hàng tổng số tiền là 18.144.444đ (Mười tám triệu, một trăm bốn mươi bốn nghìn, bốn trăm bốn mươi bốn đồng); trong đó tiền gốc là 2.000.000đ (Hai triệu đồng), tiền lãi trong hạn là 16.144.444đ (Mười sáu triệu, một trăm bốn mươi bốn nghìn, bốn trăm bốn mươi bốn đồng).

Tạm tính đến ngày 18/10/2017, vợ chồng ông G và bà T còn nợ Ngân hàng tổng số tiền là 118.207.056đ (Một trăm mười tám triệu, hai trăm lẻ bảy nghìn, không trăm năm mươi sáu đồng); trong đó, số tiền nợ gốc là 98.000.000đ (Chín mươi tám triệu đồng), số tiền nợ lãi trong hạn là 20.207.056đ (Hai mươi triệu, hai trăm lẻ bảy nghìn, không trăm năm mươi sáu đồng). Tại phiên tòa, Ngân hàng xác nhận việc bị đơn vi phạm hợp đồng tín dụng từ tháng 3/2017 nhưng để tạo điều kiện cho bị đơn trả nợ nên Ngân hàng không tính lãi phạt mà vẫn tính lãi theo mức lãi suất trong hạn.

Về phía bị đơn - ông Doãn Văn G và bà Châu Thị Bích T: Trong quá trình giải quyết vụ kiện, Tòa án đã thực hiện đầy đủ thủ tục tống đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn theo quy định pháp luật nhưng ông G, bà T vẫn cố tình vắng mặt và không có ý kiến xác nhận hay phản đối nào đối với các yêu cầu theo đơn khởi kiện cũng như chứng cứ do Ngân hàng cung cấp tại Tòa án theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Mặc dù chưa có ý kiến tại Tòa nhưng theo hồ sơ tín dụng do Ngân hàng cung cấp thể hiện tại Biên bản

làm việc ngày 30/3/2016 và Biên bản làm việc lần 02 ngày 06/7/2016 ý kiến của ông G và bà T về việc thừa nhận còn nợ Ngân hàng số tiền nợ gốc là 98.000.000đ (Chín mươi tám triệu đồng).

Xét Hợp đồng tín dụng số R1420/12 ngày 30/12/2014 đã được các bên ký kết đúng trình tự quy định của pháp luật, là hợp đồng vay tín dụng có đảm bảo bằng tài sản thế chấp và việc nguyên đơn khởi kiện trong thời gian thực hiện hợp đồng là do bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận được hai bên ký kết tại Điều 6 khoản 6.2 của hợp đồng tín dụng số R1420/12 ngày 30/12/2014, do đó Tòa án công nhận hợp đồng tín dụng giữa ngân hàng TMCP A với ông G, bà T là hợp pháp. Căn cứ vào khoản 2 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quy định về nghĩa vụ chứng minh của đương sự; khoản 1 Điều 302, Điều 471, Điều 474 Bộ luật Dân sự năm 2005 quy định về vay tài sản, nghĩa vụ trả nợ của bên vay, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn tổng số tiền tạm tính đến ngày 18/10/2017 là 118.207.056đ (Một trăm mười tám triệu, hai trăm lẻ bảy nghìn, không trăm năm mươi sáu đồng); trong đó, số tiền nợ gốc là 98.000.000đ (Chín mươi tám triệu đồng), số tiền nợ lãi trong hạn là 20.207.056đ (Hai mươi triệu, hai trăm lẻ bảy nghìn, không trăm năm mươi sáu đồng).

Về yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của Ngân hàng, căn cứ vào quy định tại Điều 355 và Điều 721 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 56, 58 và 59 Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về Giao dịch bảo đảm; khoản 15 Điều 1 Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2012 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 163/2006/NĐ-CP thì yêu cầu này của Ngân hàng là có cơ sở để chấp nhận. Sau khi án có hiệu lực pháp luật, nếu bị đơn không trả nợ, nguyên đơn có quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá phát mãi tài sản thế chấp của bị đơn để thu hồi nợ.

- Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Do yêu cầu của nguyên đơn – Ngân hàng TMCP A được chấp nhận nên căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội thì nguyên đơn không phải chịu tiền án phí và bị đơn – ông Doãn Văn G và bà Châu Thị Bích T phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá nghạch là: 118.207.056đ x 5% = 5.910.353đ (Năm triệu, chín trăm mười nghìn, ba trăm năm mươi ba đồng).

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 91, Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng khoản 1 Điều 302, Điều 342, Điều 343, Điều 355, Điều 471, Điều 474, Điều 715, Điều 716 và Điều 721 Bộ luật Dân sự năm 2005; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án

phí và lệ phí Tòa án; Điều 56, 58 và 59 Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về Giao dịch bảo đảm; khoản 15 Điều 1 Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2012 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 163/2006/NĐ-CP,

Xử :

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – Ngân hàng TMCP A về việc "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*" đối với bị đơn – ông Doãn Văn G và bà Châu Thị Bích T.

2. Buộc bị đơn – ông Doãn Văn G và bà Châu Thị Bích T có nghĩa vụ trả cho ngân hàng TMCP A tổng số tiền tạm tính đến ngày xét xử hôm nay - 18/10/2017 là 118.207.056đ (Một trăm mười tám triệu, hai trăm lẻ bảy nghìn, không trăm năm mươi sáu đồng); trong đó, số tiền nợ gốc là 98.000.000đ (Chín mươi tám triệu đồng), số tiền nợ lãi trong hạn là 20.207.056đ (Hai mươi triệu, hai trăm lẻ bảy nghìn, không trăm năm mươi sáu đồng).

Kể từ ngày 19/10/2017, bị đơn còn phải trả cho nguyên đơn khoản tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số R1420/12 ký ngày 30/12/2014 trên số nợ gốc tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, nếu bị đơn không trả được nợ thì nguyên đơn có quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án phát mãi tài sản thế chấp là: Quyền sử dụng đất tọa lạc tại ấp H, xã T, thành phố G, tỉnh Kiên Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M 892115, thửa đất số 33, tờ bản đồ số 03, diện tích 9.650 m^2 đất lúa do Ủy bản nhân dân thị xã G, tỉnh Kiên Giang cấp ngày 31/8/1998, sang tên ông Doãn Văn G ngày 19/12/2014. Tài sản đã được đăng ký thế chấp theo hợp đồng thế chấp số 2603/HĐTC ngày 30/12/2014 và đã Công chứng tại Văn phòng Công chứng G, số công chứng 7023, quyển số 07/TP/CC-SCC/HĐGD, đăng ký giao dịch đảm bảo số 11228 tại Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố G.

3. Án phí sơ thẩm có giá ngạch:

+ Bị đơn - ông Doãn Văn G và bà Châu Thị Bích T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 5.910.353đ (Năm triệu, chín trăm mười nghìn, ba trăm năm mươi ba đồng).

+ Nguyên đơn – Ngân hàng TMCP A được hoàn trả tạm ứng án phí số tiền là 2.700.000đ (Hai triệu, bảy trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0007257 ngày 27/4/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố G.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành

án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tp.Rạch Giá;
- Chi cục THA dân sự tp.Rạch Giá;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Huỳnh Tất Ngọc Trân